

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
THANH ĐÀ

DỰ TOÁN CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG THU CHI TẠI ĐƠN VỊ

(Đơn: đồng)

STT	NỘI DUNG	Số đồng	Đơn vị tính	Công thức tính cột f	Số dự toán năm học 2023- 2024	Mức thu năm học 2022-2023	Tỷ lệ (%) tăng mức thu so với năm trước	GHI CHÚ
a	b	c	d	e	f	g	h	i
I	Số học sinh (ghi đầy đủ các khối lớp của đơn vị)	1		$1=2+3+4+5+6$	880	850		
	+ Khối 6	2			300	254		
	+ Khối 7	3			230	160		
	+ Khối 8	4			150	210		
	+ Khối 9	5			200	226		
II	Dự toán chi đối với hoạt động của trường công lập:	7		$7=8+26+...$				
1	Tiền tổ chức 2 buổi/ ngày	8	đồng/học sinh/tháng/môn	8= số học sinh	880	850		
	Mức thu	9		$9=10/8$	100.000	90.000	0,11	
	Tổng dự toán chi :	10		$10=11+15+18+21$	88.000.000	76.500.000		
	Chi thanh toán cá nhân: (bộ phận trực tiếp)	11		$11=12+13+14+...$	54.540.000	47.720.000		
+	Chi trực tiếp giảng dạy,(đơn giá * số tiết)	12	(71tiết/tuần*4 tuần*55000)+(605t/tuần* 4 tuần*10000)		39.820.000	39.820.000		
	Dạy thính giảng học sinh...(đơn giá * số tiết)		130 tiết/tháng		9.520.000	2.800.000		
	Giám thị		2 người		3.000.000	3.000.000		
+	GVCN làm công tác hai buổi	14	100.000 đ*22 số lớp/tháng		2.200.000	2.100.000		
-	Chi cho bộ phận gián tiếp	15		$15=16+17+...$	16.500.000	13.200.000		
+	Chi hiệu trưởng		(Hệ số 2,0 trên mức 25% của 80% tổng thu)		5.000.000	4.000.000		
+	Chi hiệu phó	16	(Hệ số 1,7 trên mức 25% của 80% tổng thu)		4.250.000	3.400.000		
+	Chi kế toán		(Hệ số 1,4 trên mức 25% của 80% tổng thu)		3.500.000	2.800.000		
+	Chi thủ quỹ	17	(Hệ số 1,0 trên mức 25% của 80% tổng thu)		2.500.000	2.000.000		
+	Chi văn thư		(Hệ số 0,5 trên mức 25% của 80% tổng thu)		1.250.000	1.000.000		
-	Chi nghiệp vụ chuyên môn	18		$18=19+20+...$	4.240.000	3.895.000		
+	Mua sắm vật tư; đồ dùng dạy học	19			4.240.000	3.895.000		
+	Chi phí khác (ghi rõ từng nội dung)	20						
-	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động	21		$21=22+23+24+25+...$	12.720.000	11.685.000		
+	Tiền điện nước	22			4.240.000	3.895.000		
+	Vật tư văn phòng	23			4.240.000	3.895.000		
+	Mua sắm sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất và trang thiết bị	24			4.240.000	3.895.000		
+	Chi khác (ghi rõ cụ thể từng nội dung)	25						
2	Tiền tổ chức phục vụ quản lý và vệ sinh bán trú	26	đồng/học sinh/tháng/môn	26=số học sinh	440	350		
	Mức thu	27		$27=28/26$	180.000	165.000	0,09	
	Tổng dự toán chi :	28		$28=29+33+36+39$	79.200.000	57.750.000		
	Chi thanh toán cá nhân: (bộ phận trực tiếp)	29		$29=30+31+32+...$	48.320.000	32.550.000		
+	Bảo mẫu	30	Số hs*65000 đồng/hs/ tháng		30.550.000	21.000.000		
	Diễm danh		1000000 đồng/tháng		1.000.000	1.000.000		
	Lưu mẫu		1000000 đồng/tháng		1.000.000	1.000.000		
	GVCN hỗ trợ công tác bán trú		100.000 đ* số lớp/tháng		2.200.000	2.100.000		
+	Khác (phục vụ vệ sinh)	32			13.570.000	7.450.000		
-	Chi cho bộ phận gián tiếp	33		$33=34+35+...$	16.800.000	12.600.000		
+	Chi hiệu trưởng		(Hệ số 2,0 trên mức 30% của 80% tổng thu)		5.500.000	4.130.000		
+	Chi hiệu phó	16	(Hệ số 1,7 trên mức 30% của 80% tổng thu)		4.680.000	3.510.000		
+	Chi kế toán		(Hệ số 1,4 trên mức 30% của 80% tổng thu)		3.860.000	2.890.000		
+	Chi thủ quỹ	17	(Hệ số 1,0 trên mức 30% của 80% tổng thu)		2.760.000	2.070.000		
-	Chi nghiệp vụ chuyên môn	36		$36=37+38+...$	7.040.000	6.300.000		
+	Mua sắm vật tư; đồ dùng dạy học	37			3.520.000	3.150.000		
+	Chi phí khác (ghi rõ từng nội dung)	38			3.520.000	3.150.000		
-	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động	39		$39=40+41+42+43+...$	7.040.000	6.300.000		
+	Tiền điện nước	40			3.520.000	3.150.000		
+	Vật tư văn phòng	41			3.520.000	3.150.000		

STT	NỘI DUNG	Số đồng	Đơn vị tính	Công thức tính cột f	Số dự toán năm học 2023- 2024	Mức thu năm học 2022-2023	Tỷ lệ (%) tăng mức thu so với năm trước	GHI CHÚ
+	Mua sắm sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất và trang thiết bị	42						
+	Chi khác (ghi rõ cụ thể từng nội dung)	43						
3	Tiền ăn bán trú	44	đồng/học sinh/ngày		440	350		
	Mức thu	45			34.000	30.000	0,13	
	Tổng dự toán chi :	46			14.960.000	10.500.000		
	Chi thanh toán cho đối tác	47			14.960.000	10.500.000		
4	Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	44						
4a	Số liên lạc ,tin nhắn điện tử		đồng/học sinh/tháng		880			
	Mức thu	45			20.000			
	Tổng dự toán chi :	46			17.600.000			
	Chi thanh toán cho đối tác	47			17.600.000			
4b	Tài khoản để sử dụng học trực tuyến LMS		đồng/học sinh/tháng		880			
	Mức thu	45			20.000			
	Tổng dự toán chi :	46			17.600.000			
	Chi thanh toán cho đối tác	47			17.600.000			
5	Tiền nước uống	44	đồng/học sinh/tháng		880	850		
	Mức thu	45			11.000	10.000	0,10	
	Tổng dự toán chi :	46			9.680.000	8.500.000		
	Chi thanh toán cho đối tác	47			9.680.000	8.500.000		
6	Tiền thiết bị vật dụng bán trú	26	đồng/học sinh/năm học	26=số học sinh	440	350		
	Mức thu	27		27=28/26	170.000	150.000	0,13	
	Tổng dự toán chi :	28		28=29+33+36+39	74.800.000	52.500.000		
-	Chi nghiệp vụ chuyên môn	29		29=30+31+32+...	74.800.000	52.500.000		
+	Mua sắm vật tư, đồ dùng bán trú	30						
+	Chi phí khác (ghi rõ từng nội dung)	31						
+	Khác (phục vụ vệ sinh)	32						
7	Tiền Anh văn nước ngoài	26	đồng/học sinh/tháng	26=số học sinh	880	850		
	Mức thu	27		27=28/26	115.000	100.000	0,15	
	Tổng dự toán chi :	28		28=29+33+36+39	101.200.000	85.000.000		
-	Chi thanh toán cá nhân: (bộ phận trực tiếp)	29		29=30+31+32+...	80.960.000	68.000.000		
+	Chi đối tác trực tiếp giảng dạy	30			80.960.000	68.000.000		
+	Hoạt động ngoài giờ lên lớp	31						
+	Khác (phục vụ vệ sinh)	32						
	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động				20.240.000	17.000.000		
	Tiền điện nước				5.060.000	4.250.000		
	Vật tư văn phòng				10.120.000	8.500.000		
	Mua sắm sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất và trang thiết bị				5.060.000	4.250.000		
	Chi khác (ghi rõ cụ thể từng nội dung)							
8	Giáo dục stem	26	đồng/học sinh/tháng	26=số học sinh	880	850		
	Mức thu	27		27=28/26	100.000	100.000	0,00	
	Tổng dự toán chi :	28		28=29+33+36+39	88.000.000	85.000.000		
-	Chi thanh toán cá nhân: (bộ phận trực tiếp)	29		29=30+31+32+...	79.200.000	76.500.000		
+	Chi đối tác trực tiếp giảng dạy	30			79.200.000	76.500.000		
+	Hoạt động ngoài giờ lên lớp	31						
+	Khác (phục vụ vệ sinh)	32						
	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động				8.800.000	8.500.000		
	Tiền điện nước				2.200.000	2.125.000		
	Vật tư văn phòng				4.400.000	4.250.000		
	Mua sắm sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất và trang thiết bị				2.200.000	2.125.000		
	Chi khác (ghi rõ cụ thể từng nội dung)							
9	Tiền tổ chức các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, CLB	26	đồng/học sinh/tháng	26=số học sinh	880	850		
	Mức thu	27		27=28/26	35.000	31.000	0,13	
	Tổng dự toán chi :	28		28=29+33+36+39	30.800.000	26.350.000		
-	Chi thanh toán cá nhân: (bộ phận trực tiếp)	29		29=30+31+32+...	27.720.000	23.715.000		
+	Chi đối tác trực tiếp giảng dạy	30			27.720.000	23.715.000		
+	Hoạt động ngoài giờ lên lớp	31						
+	Khác (phục vụ vệ sinh)	32						
	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động				3.080.000	2.635.000		
	Tiền điện nước				770.000	658.750		
	Vật tư văn phòng				1.540.000	1.317.500		
	Mua sắm sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất và trang thiết bị				770.000	658.750		
	Chi khác (ghi rõ cụ thể từng nội dung)							
10	Kỹ năng sống	26	đồng/học sinh/tháng	26=số học sinh	880	850		

STT	NỘI DUNG	Số dòng	Đơn vị tính	Công thức tính cột f	Số dự toán năm học 2023- 2024	Mức thu năm học 2022-2023	Tỷ lệ (%) tăng mức thu so với năm trước	GHI CHÚ
	Mức thu	27		27=28/26	80.000	80.000	0,00	
	Tổng dự toán chi :	28		28=29+33+36+39	70.400.000	68.000.000		
-	Chi thanh toán cá nhân: (bộ phận trực tiếp)	29		29=30+31+32+...	63.360.000	61.200.000		
+	Chi đối tác trực tiếp giảng dạy	30			63.360.000	61.200.000		
+	Hoạt động ngoài giờ lên lớp	31						
+	Khác (phục vụ vệ sinh)	32						
	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động				7.040.000	6.800.000		
	Tiền điện nước				1.760.000	1.700.000		
	Vật tư văn phòng				3.520.000	3.400.000		
	Mua sắm sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất và trang thiết bị				1.760.000	1.700.000		
	Chi khác (ghi rõ cụ thể từng nội dung)							
11	Tin học Quốc tế IC3	26	đồng/học sinh/tháng	26=số học sinh	880	850		
	Mức thu	27		27=28/26	73.600	64.000	0,15	
	Tổng dự toán chi :	28		28=29+33+36+39	64.768.000	54.400.000		
-	Chi thanh toán cá nhân: (bộ phận trực tiếp)	29		29=30+31+32+...	58.291.200	48.960.000		
+	Chi đối tác trực tiếp giảng dạy	30			58.291.200	48.960.000		
+	Hoạt động ngoài giờ lên lớp	31						
+	Khác (phục vụ vệ sinh)	32						
	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động				6.476.800	5.440.000		
	Tiền điện nước				1.619.200	1.360.000		
	Vật tư văn phòng				3.238.400	2.720.000		
	Mua sắm sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất và trang thiết bị				1.619.200	1.360.000		
	Chi khác (ghi rõ cụ thể từng nội dung)							
12	Tiền tổ chức các lớp tin học tự chọn (có phòng máy)	26	đồng/học sinh/tháng	26=số học sinh	880	850		
	Mức thu	27		27=28/26	20.000	20.000	0,00	
	Tổng dự toán chi :	28		28=29+33+36+39	17.600.000	17.000.000		
-	Chi thanh toán cá nhân: (bộ phận trực tiếp)	29		29=30+31+32+...	3.520.000	3.400.000		
+	Chi GV dạy tiết thực hành vi tính	30			3.520.000	3.400.000		
+	Hoạt động ngoài giờ lên lớp	31						
+	Khác (phục vụ vệ sinh)	32						
	Chi hỗ trợ cơ sở vật chất và hoạt động				14.080.000	13.600.000		
	Tiền điện				5.280.000	5.100.000		
	Mua sắm sửa chữa nhỏ , linh kiện máy tính				8.800.000	8.500.000		
	Mua sắm sửa chữa nhỏ cơ sở vật chất và trang thiết bị							
	Chi khác (ghi rõ cụ thể từng nội dung)							
13	Tiền học phẩm	26	đồng/học sinh/năm học	26=số học sinh	880	850		
	Mức thu	27		27=28/26	30.000	30.000	0,00	
	Tổng dự toán chi :	28		28=29+33+36+39	26.400.000	25.500.000		
+	Chi ấn chỉ đề kiểm tra, đề thi, giấy thi, thuê máy photo đề	30			26.400.000	25.500.000		
14	Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu	26	đồng/học sinh/năm học	26=số học sinh	880			
	Mức thu	27		27=28/26	50.000			
	Tổng dự toán chi :	28		28=29+33+36+39	44.000.000			
-	Chi thanh toán cho đơn vị khám chữa bệnh	29		29=30+31+32+...	44.000.000			
+	Thu hộ chi hộ	30			44.000.000			
15	Tiền điện sử dụng và chi phí bảo trì máy lạnh của lớp có máy lạnh	26	đồng/học sinh/tháng	26=số học sinh	440	350		
	Mức thu	27		27=28/26	23.000	20.000	0,15	
	Tổng dự toán chi :	28		28=29+33+36+39	10.120.000	7.000.000		
-	Chi trả tiền điện bảo trì, vệ sinh máy lạnh	29		29=30+31+32+...	10.120.000	7.000.000		
+	Thu hộ chi hộ	30			10.120.000	7.000.000		

Người lập Bảng
(0908122111)



Trần Thị Hoàng Yến

Lưu ý:

- Đơn vị thực hiện dự toán thu chi tất cả nguồn thu tại đơn vị.
- Cột g chi điền số liệu vào những ô có ghi chú
- Cột Ghi chú ghi rõ nội dung chi tăng so với năm trước dẫn đến mức thu tăng.
- Đối với nội dung chi khác ở dòng 14, 20, 25,... ghi rõ đầy đủ các nội dung chi tại đơn vị nếu có

Ngày 30 tháng 10 năm 2023
Thủ Trưởng Đơn Vị


Lê Thị Hồng Thủy

